

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13-6-2021
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa
2. Ông Nguyễn Bá Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hải- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Ngọc Hiền- Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1- ***Nguyên đơn:*** Chị **Nguyễn Thị Diễm H** -sinh năm 1994; nơi cư trú: Khu 02 T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2 - ***Bị đơn:*** Anh **Trần Văn T** -sinh năm 1993; nơi ĐKKHKT: Khu 02 T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/01/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Diễm H trình bày: Chị H và anh Trần Văn T tự nguyện kết hôn với nhau ngày 07/01/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung nhà với bố mẹ đẻ anh T một thời gian ngắn thì chuyển ra ở riêng tại khu 02 T, xã T. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, nên từ năm 2014, anh T đi làm thuê và từ đó anh T không về và

cũng không ai biết thông tin gì về anh T. Chị và gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không đạt kết quả nên chị đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ giải quyết tuyên bố anh T bị mất tích. Tại Quyết định số 01/2020/QĐDS-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đã tuyên bố anh Trần Văn T bị mất tích từ ngày 22/10/2014. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng có 01 con chung là Trần Thị Diễm Q- sinh ngày 22/10/2013. Hiện con chung ở cùng chị H. Nếu ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, do bị đơn bị mất tích nên Tòa án không thu thập được lời trình bày, ý kiến, yêu cầu của bị đơn là anh Trần Văn T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là Nguyễn Thị Diễm H giữ nguyên ý kiến, yêu cầu đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

- Về tổ tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: khoản 2 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diễm H được ly hôn anh Trần Văn T.
2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Diễm H trực tiếp nuôi con chung là Trần Thị Diễm Q- sinh ngày 22/10/2013. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị H không yêu cầu.
3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Do chị H không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diễm H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “tranh chấp hôn nhân và gia đình” và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn là tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh T bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của nguyên đơn và chứng cứ thu thập được cho thấy Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đã ra quyết định tuyên bố anh Trần Văn T bị mất tích từ ngày 22/10/2014. Do vậy, chị H yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chứng cứ thu thập được cho thấy, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, chị H đã trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và bảo đảm cho con chung có cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định, còn anh T đã bị tuyên bố mất tích. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, cần giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diễm H được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Trần Thị Diễm Q- sinh ngày 22/10/2013 cho chị Nguyễn Thị Diễm H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung T niên (Đủ 18 tuổi). Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị H không yêu cầu.

2.2. Anh Trần Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diễm H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003852 ngày 22/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã T;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Thắng

